

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/DS-PT
Ngày: 29-01-2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm
nghiệp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Thụ
Bà Doanh Thị Mây

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Sỹ K, sinh năm 1952; Có mặt

Địa chỉ: Tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- **Bị đơn:** Bà Lý Thị T, sinh năm 1958; vắng mặt không có lý do.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lý Thị T: Ông Dương Hoàng T1, sinh năm: 1982, có mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thế H - Chủ tịch. Vắng mặt có lý do;

2. Hạt kiểm lâm thành phố C, tỉnh Cao Bằng, người đại diện theo pháp luật ông Nông Văn T2 - Phó phụ trách – Vắng mặt, người được ủy quyền bà Nông

Thị D – Phó Hạt trưởng. Có mặt.

3. Bà Vi Thị N, sinh năm: 1953. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- *Người kháng nghị:* Kháng nghị số 2077/QĐ-VKS-DS ngày 07/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Sỹ K trình bày:

Gia đình ông có đám đất đồi ở tại khu L thuộc tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Đám rẫy này do Bố ông là Hoàng Văn V (đã chết năm 1964) và mẹ ông là Hoàng Thị Á (đã chết năm 1986) khai phá đã lâu (trước năm 1960), gia đình ông vẫn canh tác từ trước đến nay. Trên đám đất đó, gia đình đã trồng qua rất nhiều loại cây như khoai, sắn, lạc, trầu, sa mộc, thông. Việc canh tác trên đám đất đó từ trước đến nay có rất nhiều người biết.

Khi Nhà nước tổ chức đo đạc làm giấy tờ đất rừng cho các hộ có rừng, ông có làm đơn xin cấp giấy chứng nhận đồi với đám đất này. Nhưng qua xác nhận, thấy diện tích khu đất rừng ít, phải trên 01ha mới được cấp giấy. Từ đó đến nay đất rẫy của nhà ông chưa được cấp giấy chứng nhận.

Mấy năm gần đây, cả hai vợ chồng ông tuổi cao, sức khỏe yếu, bận chăm lo vườn tược không đến thăm đồi thường xuyên được. Lợi dụng sơ hở đó gia đình bà Lý Thị T người cùng tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã ngộ nhận và chiếm đoạt một phần đất trên khoảng 200m² làm đất của mình. Khi biết tin này gia đình ông đã có phản ứng nhưng gia đình bà T vẫn cố tình chiếm giữ, thời gian sau thì chồng bà T ông Dương Hoàng V1 chết, đã đem chôn xuống đất tranh chấp. Gia đình ông đã yêu cầu tổ dân phố giúp giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 16/10/2022, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Lý Thị T và Người đại diện theo ủy quyền ông Dương Hoàng T1 trình bày:

Mối quan hệ giữa gia đình bà và gia đình ông Hoàng Sỹ K có mối quan hệ họ hàng, ông của chồng bà và bố của ông Hoàng Sỹ K là hai anh em ruột. Mảnh đất tranh chấp là do ông, bà, bố mẹ chồng khai hoang. Từ năm 1977, bà lập gia đình với ông Dương Hoàng V1 (đã chết) và được canh tác trên mảnh đất này. Đến năm 1982, bố, mẹ chồng chia phần đất đó cho vợ chồng bà để canh tác, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 200m², các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp đất ông K, phía Tây giáp đường đi, phía Nam giáp đất bà K1, phía Bắc giáp đất bà Đ.

Quá trình sử dụng đất: Từ năm 1977, vợ chồng bà đã trồng cây sa mộc trên mảnh đất đó, phía trên đất bà là đất của ông K có trồng thông và có giáp gianh bờ cao thấp. Khi chồng bà mắc bệnh, có tâm nguyện, khi nào chết thì đưa lên chôn tại mảnh đất đó. Tháng 02/2018, chồng bà chết, bà đã đặt mộ chồng theo

lời dặn, khi đưa đi chôn cất có mặt gia đình ông K đưa đến tận nơi.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp: Vào đầu tháng 01/2022, gia đình ông có phát sinh tranh chấp mảnh đất này với gia đình ông K là do hiện nay đất mồ mả có giá cao, gia đình ông K đã lấy máy mức về mức phần đất của gia đình ông ở phía trên tiếp giáp với mảnh đất nhà ông để bán đất mồ mả.

Nay bố, mẹ chồng và chồng bà đã chết, ông K có ý định cướp đất, thời gian xảy ra tranh chấp đã được tổ hòa giải tổ 10 và tổ hòa giải phường S giải quyết nhưng không thành. Bà cho rằng đất đó là của gia đình bà.

Tại bản tự khai ngày 26/10/2022, phiên hòa giải và tại phiên tòa. người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị N trình bày:

Bà là vợ của ông Hoàng Sỹ K, kết hôn từ năm 1972. Ông K là con một nên được hưởng toàn bộ tài sản của bố, mẹ chồng để lại. Ông bà có đám đất rẫy thuộc khu L, tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng nay đang tranh chấp, có đơn yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nguồn gốc: Đám rẫy này khoảng hơn 1.000m², phía bên dưới giáp đường đi lại hiện đang tranh chấp có diện tích khoảng 200m² là đất của bố, mẹ chồng bà khai phá để lại. Từ ngày bà kết hôn, được quản lý, canh tác đám đất trên và trồng nhiều loại hoa màu như khoai, sắn, lạc, chuối... Về sau có phong trào trồng cây thì vợ chồng ông trồng sa mộc, thông, trầu trên đám đất đó. Do có nhiều người chặn thả trâu, bò nên mọc thưa thớt. Năm 2015, chuyển sang trồng cam tại ruộng ở nơi khác, ít khi lên rẫy.

Năm 2018, ông Dương Hoàng V1 chồng bà T chết, bà T và con trai đã đưa ông V1 lên rẫy ông chôn cất, lúc về đến nhà có thắc mắc tại sao ông V1 lại chôn ở phần đất của gia đình, cũng có một số hàng xóm thắc mắc. Do có quan hệ họ hàng xa nên nghĩ là mồ mả mới, chưa muốn nói. Về sau bà lên rẫy gặp con trai bà T, bà đã nói là đất rẫy này là thuộc rẫy của bà, đã đặt mộ bố cháu ở đây thì thôi, còn phần còn lại không được đặt và sử dụng nữa. Gia đình bà T không nghe và cố tình chiếm đoạt phần đất trên của bà.

Qua quá trình hai gia đình không thỏa thuận được với nhau, vợ chồng bà đã làm đơn lên tổ dân phố và Ủy ban nhân dân phường giải quyết hòa giải 2 cấp nhưng không thành.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết thừa đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của gia đình bà và buộc gia đình bà T phải di dời mồ mả, nhổ bỏ toàn bộ cây keo trồng trái phép trên đất đi nơi khác để trả lại đất cho gia đình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hạt kiểm lâm thành phố C, trình bày: Vị trí đất tranh chấp thuộc lô 42, khoảnh 04, tiểu khu B thuộc quy hoạch rừng sản xuất, đất chưa được giao cho ai, người dân nào khai phá người đó quản lý. Đất thuộc trường hợp được giao đất giao rừng để trồng rừng sản xuất theo quy định của pháp luật.

Lời trình bày của những người làm chứng:

- Bà Dương Thị S, bà Dương Thị L, bà Dương Thị C, bà Dương Thị L1,

ông Nông Văn T3 (là các em gái, em rể của Ông Dương Hoàng V1) đều khẳng định thửa đất tranh chấp chính là tài sản của ông bà, bố mẹ để lại và thuộc quyền sử dụng, quản lý của gia đình bà Lý Thị T.

- Ông Sầm Viết B trình bày: Năm 1986 tôi lên làm nhà cư trú tại L, K, gia đình ông sinh sống cách đám đất rẫy đó khoảng 300m². Gia đình tôi dẫn nước mạch từ khe Lỏ Phon về, lúc đó chỉ làm rãnh qua đất chỗ nào trũng thấp lấy máng tre bắc qua, chưa có ống nhựa như bây giờ. Lúc đó trâu Hợp tác xã còn nhiều, đường nước tôi dẫn qua gốc tre gai, giáp gianh bà Lý Thị T là bà Hoàng Thị Đ1, hiện tại gốc tre gai đã chết. Thường ngày tôi đi xem nước qua đám đất đó, thấy bà N1 là mẹ chồng bà Lý Thị T cùng các con bà canh tác làm nương rẫy ở đám đất đó. Còn con đường vào nhà bà Tô Thị M chưa có, chỉ có lối mòn trâu, bò và người đi làm nương rẫy đi lại.

- Bà Lý Thị X trình bày: Bà là hàng xóm với ông K và bà T. Từ năm 1997, tôi lập gia đình và ở tại tổ A, phường S, thành phố C. Về nguồn gốc đất bà không nắm được, không biết ai là người trồng các cây thông, sa mộc. Khi đi qua đây có thấy ông V1 và bà thom phát cây sa mộc. Về ranh giới đất các hộ tranh chấp như thế nào bà không biết. Khi ông V1 chết, gia đình bà T có chôn cát trên đây, không thấy có ai phản đối, ngoài ra bà không có ý kiến gì thêm.

- Bà Hoàng Thị Í trình bày: Từ năm 1993, lập gia đình với ông Lý Văn N2 (đã chết) tại tổ A, phường S, thành phố C. Gia đình có lấy nước nguồn Lỏ Phon về để sinh hoạt gia đình và hiện tại gia đình vẫn có đường nước để sinh hoạt qua thửa đất của ông Dương Hoàng V1 và bà Lý Thị T, mỗi lần nước nguồn không về, tôi đi lấy nước, tôi có thấy ông V1 và bà T canh tác tại thửa đất này. Năm 2018 ông V1 chết cũng chôn cát tại mảnh đất này đến nay.

- Bà Hoàng Thị X1 trình bày: Từ năm 2004, lập gia đình với ông Lý Văn N3 (đã chết) tại tổ A, phường S, thành phố C. Gia đình có lấy nước nguồn Lỏ Phon về để sinh hoạt gia đình và qua thửa đất của ông Dương Hoàng V1, bà Lý Thị T, thấy bà Lý Thị T canh tác trên mảnh đất này.

- Bà Hoàng Thị M1 trình bày: Bà không có quan hệ họ hàng gì với ông K và bà T chỉ là hàng xóm. Không nhớ chính xác ranh giới đất của bà M2 (có con dâu là bà T) và ranh giới bà Á (con trai ông K), khi còn nhỏ chỉ biết con mương dẫn nước từ khe chảy ra. Lâu không lên khu đất nên không biết rõ được ranh giới giữa bà M2 với bà Á, ngoài ra không cung cấp gì thêm.

- Ông Vương Văn S1 trình bày: Ông không có quan hệ họ hàng gì với ông K và bà T chỉ là hàng xóm. Ông có đám rẫy trên đất ông K, lúc còn nhỏ có cùng mẹ lên rẫy làm ruộng. Tuy nhiên, không đi con đường mương cũ mà đi theo hướng khác lên rẫy. Có thấy bà M2 làm rẫy nhưng không xác định được ranh giới đất tranh chấp giữa ông K và bà T, ngoài ra không cung cấp gì thêm.

- Ông Hoàng Lương C1 trình bày: Ông không có quan hệ họ hàng gì với ông K và bà T chỉ là hàng xóm. Ông sinh ra và lớn lên tại tổ A, phường S, thành phố C. Ông được biết, con mương là do các hộ trong khu công nhân làm gồm: Ông V, ông S1, bà M2 và ông K2 để lấy nước về sinh hoạt, phần đất của gia

đình ông K ở phía trên, bên trong là đất của ông Chiên Xạ M3, lần lượt đến đất bà M2 tiếp ông C2, phía dưới nương là đất bà N. Ông không có rẫy ở khu vực đây, còn ranh giới đất như nào ông không nắm được, ngoài ra không cung cấp gì thêm.

- Bà Hoàng Thị N4 xác nhận: Bà sinh sống cùng bố mẹ tại K, Q, H. Năm 1971 có ra trọ học ở nhà ông Hoàng Văn V2 và bà Vi Thị M4. Trong mấy năm trọ học bà được theo bà M4 đi làm rẫy tại thửa đất mà bây giờ chôn cất ông Dương Hoàng V1, còn các thửa đất khác của bà M4 thì không biết.

- Bà Hoàng Thị Đ1 xác nhận: Bà có gặp mẹ ông K trông sắn trên diện tích đất tranh chấp bây giờ. Về con đường hiện nay, trước kia là nương nhỏ và bờ nương nhỏ để người dân đi lại. Đến năm 1993, ông Hoàng Văn H1 xây nhà đất thì lấy máy ủi lên san lấp thành con đường đi cho xe chở vật liệu xây dựng. Khóm tre ở giáp ranh, không biết ai trông, về sau mới biết ông X2 trông, nay chỉ còn gốc, ngoài ra không cung cấp gì thêm.

- Bà Bé Thị N5 xác nhận: Bà không có quan hệ họ hàng gì với ông K và bà T chỉ là hàng xóm. Về nguồn gốc đất, bà có nền nhà trên sườn đồi và sông ở đây khi còn Hợp tác xã thấy con nương từ khe chảy ra. Đất của gia đình bà M4 ở dưới con nương, đất của gia đình bà Á ở trên con nương. Bà liền kề với đất gia đình bà Á. Khu đất nghĩa địa của bà M4 góc bên trên đất nhà bà, thời điểm bà canh tác không thấy bà mây và bà Á có tranh chấp. Trước có gốc cây gạo làm ranh giới, mọc phía dưới nương nước, trên nương thấy bà Á canh tác.

- Bà Hoàng Thị N6 trình bày: Bà có quan hệ họ hàng xa với gia đình ông K, sống từ nhỏ và đi làm rẫy tại đó. Về nguồn gốc đất là của cụ Hoàng Thị Á (mẹ ông K). Trước có cây gạo ngăn cách, có con nương nước đi qua, hiện nay thành con đường dân sinh, đất của cụ Á ở phía bên trên và đất phía dưới của cụ M4. Sau năm 1997, bà đi học và làm ăn nên không nắm được.

- Ông Nguyễn Văn X3 trình bày: Không có quan hệ họ hàng gì với ông K và bà T chỉ là hàng xóm. Gia đình có đám rẫy cạnh đất ông K có tên gọi là Lỗ P, thường xuyên canh tác và trồng cây thông. Năm 1986, có trồng 01 bụi tre, thấy ông K trông Trầu và cây thông trên đám đất đó.

- Ông Hoàng Văn T4 trình bày: Ông có quan hệ họ hàng xa với ông K và ông V1, từ năm 1973, thấy bà Hoàng Thị Á canh tác trên đám rẫy này chủ yếu trồng sắn, khoai. Sau đó vì lý do sức khỏe, tuổi già bà không còn sức lao động nữa, con trai của bà là Hoàng Sỹ K đã trồng cây xuống khoảng rẫy đó vào năm 1980. Nhưng vì trâu, bò phá hoại nên ông K có trồng lại rất nhiều lần nhưng số cây mọc không được bao nhiêu. Ông có khoanh rẫy gần đó và xác định khoanh rẫy này là của ông Hoàng Sỹ K là đúng.

- Bà Tô Thị M trình bày: Không có quan hệ họ hàng gì với ông K và bà T, chỉ là hàng xóm, nhà ở gần đám rẫy của ông K và bà N. Từ năm 1993 bà đã chuyển lên đây làm nhà và xác nhận đất tranh chấp là của ông K, ranh giới đất là con nương đã thấy từ trước đó.

- Ông Nguyễn Văn C3 xác nhận: Ông không có quan hệ họ hàng gì với ông

K và bà T chỉ là hàng xóm, về nguồn gốc đất không biết. Năm 2018, ông V1 chết, ông có trong hội hiếu, nhưng không tham gia đội chôn cất. Có thấy gia đình ông K cụ thể là con trai ông K có mặt tại đám tang ông V1, không thấy có mâu thuẫn, tranh chấp gì.

- Ông Đặng Văn H2 xác nhận: Không có quan hệ họ hàng gì với ông K và bà T chỉ người được bà T thuê đào huyệt và xây mộ, ngày đào huyệt chỉ có người nhà ông V1 và hội hiếu; không có mặt ông K và bà N, trong quá trình đào huyệt, xây mộ không có ai tranh chấp, cản trở. Về nguồn gốc đất không biết và không nắm được.

- Bà Dương Thị Châu L2 xác nhận: Không có quan hệ họ hàng gì với ông K và bà T, chỉ là hàng xóm, là tổ trưởng tổ hiếu trong đám tang ông V1, tổ hiếu có phân công thành 02 tổ gồm tổ 01 làm bếp, tổ 02 đào huyệt. Gia đình ông K nằm trong danh sách tổ 01 làm bếp, thời điểm ông V1 chết không thấy có xảy ra tranh chấp giữa hai gia đình. Về tài sản cây cối trên đất thì ông K có rừng cây ở trên đất phần bờ cao con phần đất tranh chấp bây giờ chỉ có lác đác.

- Bà Triệu Thị K3 xác nhận: Gia đình có đám rẫy liên thừa với đám đất nhà bà Á, không biết bà M4, chỉ nghe bà con trong xóm nói đất của bà M4 ở dưới nương nước.

- Ông Luân Xuân H3 xác nhận: Ông làm tổ trưởng dân phố từ năm 2020, về nguồn gốc đất tranh chấp, trước kia là của gia đình ông K, bà N, việc gia đình có chuyển nhượng, mua bán hay không thì không nắm được. Tại đám tang, ông không nắm được gia đình ông K có biết việc gia đình bà T đặt mộ xuống đất của ông K hay không. Thời điểm ông còn làm trưởng ban mặt trận, con trai ông Sầm Việt B tên Sầm Văn L3 có tranh chấp với gia đình con gái ông K.

* **Tại biên bản xem xét thẩm định, đo đạc tại chỗ ngày 14/11/2022:** Thừa đất tranh chấp thuộc khu L, tại tổ A phường S, thành phố C có các hướng tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông giáp đất ông Hoàng Sỹ K;
- + Phía Tây giáp đường đi;
- + Phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn X3;
- + Phía Nam giáp đất bà Triệu Thị K3.

Về kích thước, diện tích theo sơ đồ trích đo cung cấp.

Về tài sản trên đất: Có gốc cây sa mộc đã khai thác đã đốt và trồng lại cây keo (94 cây), cây sa mộc tái sinh trời (05 cây), 01 cây sa mộc chiều cao rút ngọn, khoảng 1,20 m, đường kính 40cm; 01 ngôi mộ chôn và xây từ tháng 02/2018, xây trát ốp gạch thẻ vận chuyển bộ, trung bình 150 m, chưa sang tiểu, kích thước là 6,75 x 3,8m. Kề phía trước mộ, bị đơn mô tả móng đá học, sâu 0,7m, rộng 0,7m, dài 6,75 m, phía trên xây bằng tường gạch 220 mm, cao 1,4 m, rộng 6,75m. Phía sau phần móng gạch 220mm, sâu 0,3m, dài 6,75m. phần tường xây gạch chỉ 110mm, cao 1,4m, dài 6,75m. Tường cánh bên trái, móng xây bằng gạch chỉ, chiều sâu 1,4m, một bên là 1,4m và 9,3m dài 5,36m. phía trên có 01

tường gạch 110mm, cao 1,4m, dài 1m (hình tam giác). Tường cánh bên phải: Móng xây bằng gạch chỉ 220mm, chiều sâu 0,3m, rộng 1m, sân xi măng 10m², phía trên xây cất hình thang bằng gạch chỉ 220mm, cao 1,40m và 0,3m, dài 1,5m.

* Tại Công văn số 1933/UBND-TNMT ngày 07/8/2023 về việc cung cấp thông tin đất đai để giải quyết vụ án. Ủy ban nhân dân thành phố C căn cứ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030/QĐ-UBND ngày 29/10/2021, Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố C được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 31/12/2022. Vị trí đất tranh chấp đất rừng giữa ông Hoàng Sỹ K với bà Lý Thị T tại địa danh L, tổ A phường S, thành phố C nằm vào vị trí quy hoạch: Đất rừng sản xuất và thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất. Căn cứ theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh C, ban hành về quy định điều kiện tách thửa, diện tích tối thiểu, hạn mức giao đất...Hạn mức công nhận quyền sử dụng đất trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân là không quá 30 ha đối với mỗi loại đất. Diện tích tối thiểu được phép tách thửa đối với đất nông nghiệp tại các phường, thị trấn tối thiểu là 120m².

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 55/2023/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 221, Điều 609 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 17, Điều 101, Điều 135, Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá, đo đạc tài sản.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Sỹ K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị N.

Nguyên đơn ông Hoàng Sỹ K và bà Vi Thị N được quyền quản lý, sử dụng Thửa đất tranh chấp thuộc khu L, tại tổ A phường S, thành phố C, vị trí đất tranh chấp thuộc lô 42, khoảnh 04, tiểu khu B thuộc quy hoạch rừng sản xuất có các hướng tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông giáp đất ông Hoàng Sỹ K;
- + Phía Tây giáp đường đi;
- + Phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị Đ1 và ông Nguyễn Văn X3;

+ Phía Nam giáp đất bà Triệu Thị K3.

Về kích thước, diện tích theo sơ đồ trích đo cung cấp đính kèm.

Gia đình ông Hoàng Sỹ K bà Vi Thị N có trách nhiệm liên hệ cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc gia đình bà Lý Thị T phải tự di dời mồ mả của ông Dương Hoàng V1 và toàn bộ cây keo trên đất đi nơi khác để trả lại đất cho gia đình ông Hoàng Sỹ K quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ để sung Ngân sách Nhà nước. Bị đơn bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản tranh chấp: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu tiền đo đạc, thẩm định, định giá tài sản tranh chấp gồm: 3.000.000đ (chi phí đo đạc) + 3.000.000đ (chi phí thẩm định, định giá) = 6.000.000đ. Xác nhận nguyên đơn đã tạm nộp số tiền 9.000.000đ tạm ứng chi phí thẩm định, định giá, nguyên đơn đã tạm chi 6.000.000đ tiền chi phí đo đạc, thẩm định, định giá nay còn được hoàn lại số tiền 3.000.000đ tiền tạm ứng đã nộp.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn ông K có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản. Nếu bà T chưa thi hành xong khoản tiền 6.000.000đ chi phí đo đạc, thẩm định, định giá đất tranh chấp thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 08/8/2023. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 9 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2077/QĐ-VKS-DS ngày 07/9/2023 kháng nghị đối với Bản án số 55/2023/DS-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Ngày 24/8/2023 bị đơn Lý Thị T

có đơn kháng cáo không nhất trí với Bản án sơ thẩm và Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng không chấp nhận kháng cáo quá hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn Hoàng Sỹ K vẫn giữ nguyên nội dung đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm về nguồn gốc, yêu cầu khởi kiện. Ông không có kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm. Tại Tòa, đề nghị xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của tôi, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho tôi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lý Thị T vẫn giữ nguyên nội dung đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm về nguồn gốc đất và không nhất trí với Bản án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị Tòa tuyên diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền quản lý của bà T. Trong quá trình giải quyết tại sơ thẩm, do ông không có mặt tại Cao Bằng tại thời điểm Tòa thành lập Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ nên ông đã ủy quyền cho bà Vi Thị N tham gia xác định ranh giới đất khi các cơ quan chuyên môn đến đo đạc và không ủy quyền tham gia tố tụng. Ông vẫn tự tham gia tại các buổi làm việc tại Tòa. Ngày 03/4/2023 có tham gia buổi hòa giải hay không, ông không nhớ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vi Thị N: Nhất trí với ý kiến của ông K, đất này có nguồn gốc do ông bà, bố mẹ để lại cho ông K, không phải của bà Lý Thị T, vẫn giữ nguyên lời khai tại phiên tòa sơ thẩm. Khi bà T chôn cất ông V1 trên phần đất này, bà có nhắc nhở đã chôn rồi thì thôi, nhưng sau không được làm như vậy. Đề nghị Tòa xem xét, bảo vệ quyền, lợi ích cho ông bà. Ông K có ủy quyền cho bà đề xác định ranh giới tranh chấp khi các cơ quan đến đo đạc, còn các buổi làm việc tại Tòa, ông K tự tham gia, buổi hòa giải ngày 03/4/2023 ông K có tham gia hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

*** Về kháng cáo:**

- Bản án của Tòa án nhân dân thành phố C ban hành ngày 08/8/2023.

Ngày 24/8/2023, bà Lý Thị T có đơn kháng cáo là vi phạm quy định của pháp luật về thời hạn kháng cáo quy định tại Khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015 (quá thời hạn 01 ngày). Nội dung và hình thức đơn kháng cáo đầy đủ theo quy định tại Khoản 1 Điều 272 BLTTDS năm 2015.

*** Về nội dung kháng cáo:**

Kháng cáo toàn bộ bản án số 55/2023/DS-ST ngày 08/8/2023 do Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm vì lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá khách quan các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tính có căn cứ và hợp pháp của kháng nghị:

***Về tính hợp pháp của kháng nghị:**

Xét thấy Tòa án nhân dân thành phố C có nhiều vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án nên ngày 07/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 2077/QĐ-VKS-DS ngày 07/9/2023 kháng nghị đối với bản án số: 55/2023/DS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng ban hành kháng nghị đúng thẩm quyền theo Điều 278 BLTTDS năm 2015; đúng thời hạn theo quy định tại Điều 280 BLTTDS năm 2015.

***Về tính có căn cứ của kháng nghị:**

Việc thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C trong vụ án này có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Nội dung bản án vi phạm về việc áp dụng sai, thiếu điều luật, phân tích, nhận định và đánh giá chứng cứ không có cơ sở, không khách quan, không đúng theo quy định của pháp luật.

Qua kiểm sát việc thụ lý giải quyết của tòa án, nghiên cứu hồ sơ và đánh giá chứng cứ, đối với nội dung trong đơn kháng cáo, nội dung Viện kiểm sát đã kháng nghị KSV có ý kiến như sau:

Nhận thấy tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án như:

Thứ nhất: Vi phạm về điều kiện thụ lý vụ án:

Theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013:

Điều 202. Hòa giải tranh chấp đất đai:

"2. Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không hòa giải được thì gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải.

3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức việc hòa giải tranh chấp đất đai tại địa phương mình; trong quá trình thực hiện phải phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác ...Tại Khoản 1 Điều 88 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai"Điều 88. Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai1. Khi nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:...b. Thành phần Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với thửa đất đó..."Ngày 01/4/2022 của Ủy ban nhân dân

phường S đã tiến hành hòa giải tranh chấp tuy nhiên thiếu thành phần Ủy ban mặt trận tổ quốc xã theo quy định tại Khoản 2 Điều 202 Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 1 Điều 88 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai do đó vụ án thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện để thụ lý vụ án.

Thứ hai: Vi phạm về xác định sai phạm vi ủy quyền và thời hạn ủy quyền dẫn đến xác định sai tư cách tham gia tố tụng: Thời hạn ủy quyền và phạm vi ủy quyền được quy định rõ tại Khoản 1 Điều 140 và điểm c khoản 1 Điều 141 Bộ luật dân sự năm 2015: "Điều 140. Thời hạn đại diện¹. Thời hạn đại diện được xác định theo văn bản ủy quyền, theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, theo điều lệ của pháp nhân hoặc theo quy định của pháp luật." Điều 141. Phạm vi đại diện"¹. Người đại diện chỉ được xác lập, thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện theo căn cứ sau đây:...

...

c, Nội dung ủy quyền;"

Ngày 28/10/2022 ông Hoàng Sỹ K (bên A) có hợp đồng ủy quyền cho bà Vi Thị N (bên B), trong hợp đồng có ghi rõ bên B được toàn quyền thay mặt và nhân danh bên A thực hiện công việc sau: Tham gia việc xác định ranh giới phần đất đang tranh chấp với gia đình bà Lý Thị T do cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc. Theo nội dung ghi trong hợp đồng ủy quyền thời hạn ủy quyền là 6 tháng do đó hợp đồng ủy quyền đã hết hiệu lực từ ngày 28/4/2023.

Như vậy trong giấy ủy quyền ngày 28/10/2022 ông Hoàng Sỹ K chỉ ủy quyền cho bà N tham gia việc xác định ranh giới phần đất đang tranh chấp với gia đình bà Lý Thị T khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc chứ không phải tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Hơn nữa hợp đồng ủy quyền đã hết hiệu lực, do đó tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng vẫn xác định bà Vi Thị N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để tham gia hòa giải tại theo biên bản hội 14 giờ ngày 03 tháng 4 năm 2023 và tham gia xét xử là vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 140 và điểm c khoản 1 Điều 141 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thứ ba: Vi phạm trong quyết định của bản án không tuyên cụ thể về diện tích đất tranh chấp gây khó khăn trong quá trình thi hành án

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể:

Điều 175. Ranh giới giữa các bất động sản

"1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền."

Trong nội dung bản án chỉ tuyên về việc "*chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Sỹ K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị N.*

Nguyên đơn ông Hoàng Sỹ K và bà Vi Thị N được quyền quản lý, sử dụng thửa đất tranh chấp thuộc khu L, tại tổ A phường S, thành phố C, vị trí đất tranh

chấp thuộc lô 42, khoảnh 4, tiểu khu B thuộc quy hoạch rừng sản xuất có các hướng tiếp giáp..." mà không xác định diện tích tranh chấp cụ thể là bao nhiêu, nên khó khăn cho việc thi hành án.

Thứ tư: Việc định giá tài sản không khách quan, không có cơ sở:

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/11/2022 không thể hiện về diện tích đất tranh chấp và kích thước các cạnh, vì sẽ được cơ quan chuyên môn đo đạc biên tập, thể hiện bằng sơ đồ đo vẽ và cung cấp cho tòa án sau.

Tuy nhiên, cùng ngày 14/11/2022 lại tiến hành định giá tài sản khi chưa xác định được diện tích tranh chấp. Biên bản định giá tài sản hồi 10 giờ 15 phút ngày 14/11/2022 thể hiện phần diện tích đất sườn đồi đang có tranh chấp có diện tích khoảng 200/1000m² địa chỉ L, tổ A, phường S, thành phố C. Tòa án chưa xác định rõ diện tích đất tranh chấp là bao nhiêu, nhưng lại căn cứ vào Quyết định số 28/2021/QĐ - UBND ngày 15/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh C ban hành xác định giá đất rừng sản xuất là 16.000đ/m² là không đúng.

Thứ năm: Trong nội dung Bản án số 55/2023/DS-ST ngày 8/8/2023 vi phạm về việc áp dụng thiếu điều luật và sai điều luật dẫn đến về việc tuyên án sai quyền kháng cáo của đương sự

Bà Lý Thị T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Dương Hoàng T1 có mặt tại phiên tòa. Tại phần 4 trong bản án về quyền kháng cáo, tòa án nhân dân thành phố C tuyên bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết là vi phạm khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vì bị đơn đã có ủy quyền cho ông Dương Hoàng T1 tham gia tố tụng và có mặt tại phiên tòa. Do đó thời hạn kháng cáo của bị đơn phải được tính kể từ ngày tuyên án.

Tòa án không áp dụng các điều luật như: Điều 147; Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là chưa đầy đủ.

Vì vậy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành là đảm bảo có căn cứ, chỉ rõ những vi phạm, đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 202 Luật Đất đai năm 2013; Điểm b Khoản 1 Điều 88 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Khoản 1 Điều 140 và Điểm c Khoản 1 Điều 141 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 308, Điều 311 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm số: 55/2023/DS-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét đơn kháng cáo; tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Hội đồng xét xử nhận định

như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2077/QĐ-VKS-DS là kháng nghị trong thời hạn luật định.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng

[2.1]. Đối với nội dung “Vi phạm về điều kiện thụ lý vụ án”

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Hoàng Sỹ K khởi kiện bà Lý Thị T về việc tranh chấp đất đai tại khu L thuộc tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Ông cho rằng đám rẫy này do bố ông là Hoàng Văn V (đã chết năm 1964) và mẹ ông là Hoàng Thị Á (đã chết năm 1986) khai phá đã lâu (trước năm 1960), gia đình ông vẫn canh tác từ trước đến nay. Khi Nhà nước tổ chức đo đạc làm giấy tờ đất rừng cho các hộ có rừng, ông Hoàng Sỹ K có làm đơn xin cấp giấy chứng nhận đối với đám đất này. Nhưng qua xác nhận, thấy diện tích khu đất rừng quá ít, nên đến nay đất rẫy của nhà ông chưa được cấp giấy chứng nhận. Mấy năm gần đây, cả hai vợ chồng ông tuổi cao, sức khỏe yếu, bận chăm lo vườn tược không đến thăm đòi thường xuyên được. Lợi dụng sơ hở đó gia đình bà Lý Thị T người cùng tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã ngỗ nhận và chiếm đoạt một phần đất trên khoảng 200m² làm đất của mình. Khi biết tin này gia đình ông đã có phản ứng nhưng gia đình bà T vẫn cố tình chiếm giữ, thời gian sau thì chồng bà T là ông Dương Hoàng V1 chết đã đem chôn xuống đất tranh chấp. Thấy việc làm vô lý đó gia đình ông không thể tự giải quyết được nên đã yêu cầu tổ dân phố giúp giải quyết. Không hòa giải được nên viết đơn khởi kiện đến Tòa án.

Như vậy, quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất, theo quy định của Điều 202 Luật đất đai, tranh chấp phải được hòa giải tại cơ sở. Đồng nghĩa với việc đây là điều kiện tiền tố tụng bắt buộc. Hòa giải tại tổ dân phố không thành, Ủy ban nhân dân phường S tiến hành hòa giải tranh chấp. Tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, thành phần Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai gồm có: Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C; công chức địa chính, công chức tư pháp, đại diện Hạt kiểm lâm thành phố C, tổ trưởng tổ dân phố A phường S. Vắng thành phần Mặt trận tổ quốc theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Luật đất đai năm 2013; điểm b khoản 1 Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, do đó biên bản hòa giải tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân phường S chưa đúng thành phần Hội đồng hòa giải, vì vậy biên bản hòa giải trên không đảm bảo pháp lý của một biên bản hòa giải cơ sở. Như vậy hồ sơ khởi kiện chưa đủ điều kiện để thụ lý vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải trả lại đơn khởi kiện, hoặc đình chỉ vụ án khi đã thụ lý để khắc phục đối với Biên bản hòa giải cơ sở.

[2.2]. Đối với nội dung “Vi phạm về xác định sai phạm vi ủy quyền và

thời hạn ủy quyền dẫn đến xác định sai tư cách tham gia tố tụng”.

Hợp đồng ủy quyền được lập ngày 28/10/2022 tại Văn phòng C5 giữa bên ủy quyền là ông Hoàng Sỹ K, bên được ủy quyền là bà Vi Thị N, với phạm vi ủy quyền quy định tại Điều 1, bà Vi Thị N được toàn quyền thay mặt và nhân danh ông Hoàng Sỹ K tham gia việc xác định ranh giới phần đất đang tranh chấp với gia đình bà Lý Thị T do cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc; thời hạn ủy quyền là 06 tháng kể từ ngày Hợp đồng được chứng nhận (ngày 28/10/2022). Như vậy, Bà Vi Thị N chỉ tham gia với tư cách “người được ủy quyền của nguyên đơn” trong quá trình tiến hành xác định ranh giới phần đất đang tranh chấp với gia đình bà Lý Thị T do cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc mà trước đó, ngày 26/10/2022 ông Hoàng Sỹ K đã nộp đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và nộp chi phí tham gia tố tụng. Tuy nhiên, Thông báo về phiên hòa giải, biên bản hòa giải ngày 03/4/2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C đều xác định tư cách tố tụng của bà Vi Thị N là người được ủy quyền của ông Hoàng Sỹ K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; dẫn đến Bản án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Sỹ K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị N là không đúng, vượt quá phạm vi ủy quyền ban đầu.

[2.3]. Đối với nội dung “ quyết định bản án không tuyên cụ thể về diện tích đất tranh chấp gây khó khăn trong quá trình thi hành án” và “Nội dung Bản án số 55/2023/DS-ST ngày 08/8/2023 vi phạm về việc áp dụng thiếu điều luật và sai điều luật về việc tuyên án sai quyền kháng cáo của đương sự.

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự: “...trong phần quyết định phải ghi rõ các căn cứ pháp luật, quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; ...”.

Như vậy, phần Quyết định của Bản án sẽ ghi nhận nội dung Tòa chấp nhận hay không yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, từ đó để các đương sự xác lập các quyền, nghĩa vụ của mình. Vì vậy, khi tuyên phải đầy đủ, chính xác về đối tượng khởi kiện mà Tòa án sẽ tuyên thuộc quyền quản lý, sử dụng của ai, vị trí, ranh giới, diện tích... tất cả các thông tin cần thiết để giai đoạn thi hành án được tiến hành thuận lợi. Trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng chỉ tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Sỹ K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị N, có nêu địa chỉ thửa đất, các phía tiếp giáp của thửa đất, nhưng chỉ nêu nội dung “về kích thước, diện tích theo sơ đồ trích đo cung cấp đính kèm” là thiếu thông tin về thửa đất, khó khăn trong việc thi hành án. Việc có cần sơ đồ trích đo thửa đất hay không là quyền của cơ quan Thi hành án trong giai đoạn Thi hành án, Tòa án không có nghĩa vụ ban hành kèm theo Bản án.

Đồng thời, theo quy định tại Điều 85 BLTTDS người đại diện và Điều 86 BLTTDS quyền, nghĩa vụ của người đại diện thì ông Dương Hoàng T1 là đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị T, có các quyền và nghĩa vụ của đương sự

trong phạm vi ủy quyền. Như vậy, ông Dương Hoàng T1 được quyền thay mặt bà Lý Thị T quyết định các vấn đề liên quan vụ án, thực hiện quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự khi tham gia giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Lý Thị T vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Dương Hoàng T1 có mặt tại phiên tòa. Do đó, thời hạn kháng cáo của bị đơn phải được tính kể từ ngày tuyên án. Bản án sơ thẩm đã tuyên bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết là vi phạm quy định khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Bản án quyết định về phân án phí, Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nhưng không ghi căn cứ Điều nào là thiếu Điều luật áp dụng.

[2.4]. Đối với nội dung “Việc định giá tài sản không khách quan, không có cơ sở”

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bắt đầu từ 08 giờ 00 ngày 14/11/2022 tại vị trí có đất tranh chấp, phần diện tích đất tranh chấp và kích thước các cạnh sẽ được cơ quan chuyên môn đo đạc, biên tập thể hiện bằng sơ đồ đo vẽ và cung cấp cho Tòa án sau. Tuy nhiên, vào hồi 10 giờ 15 phút ngày 14/11/2022, Hội đồng định giá đã tiến hành định giá đối với tài sản đang tranh chấp, theo đó xác định giá đất rừng sản xuất là 16.000 đ/m², ghi nhận phần diện tích đất sườn đồi đang tranh chấp có diện tích khoảng 200/1000 m², sau khi có kết quả đo đạc sẽ tính diện tích cụ thể.

Theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự, kết quả định giá là một trong những nguồn chứng cứ quan trọng cho việc giải quyết vụ án, trong vụ án này, Tòa án có quyền thành lập Hội đồng định giá tài sản theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự, theo đó Hội đồng định giá được quyết định và đưa ra giá của tài sản đang tranh chấp. Như vậy, tại thời điểm định giá tài sản chưa có kết quả đo đạc, chưa xác định được diện tích tranh chấp, vì vậy Hội đồng định giá chưa tính được tài sản định giá có giá trị bao nhiêu, mà chỉ đưa ra giá là 16.000đ/m², chưa đảm bảo giá trị của Biên bản định giá sử dụng làm nguồn chứng cứ, Thẩm phán không được quyền tự mình tính toán giá trị tài sản, trong vụ án này, tiến hành định giá tài sản nhưng không đề cập đến giá trị tài sản đang tranh chấp, cần rút kinh nghiệm về việc có cần tiến hành định giá tài sản khi không có yêu cầu về tài sản trên đất hoặc yêu cầu về bồi thường.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Các nội dung Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng kháng nghị đối với Bản án số 55/2023/DS-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C đều có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không thể khắc phục tại phiên tòa phúc thẩm. Đặc biệt là vi phạm về điều kiện thụ lý vụ án. Do đó phải hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng sẽ thụ lý, giải quyết, xét xử sơ thẩm lại vụ án khi đương sự có đơn khởi kiện và khắc phục được các điều kiện thụ lý vụ án. Các nội dung và yêu cầu khởi kiện sẽ được xem xét trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng trong giai đoạn sơ thẩm:

Do vụ án thuộc trường hợp hủy và đình chỉ thuộc trường hợp điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, người yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là ông Hoàng Sỹ K. Vì vậy, căn cứ khoản 5 Điều 157 BLTTDS và khoản 5 Điều 165 BLTTDS, ông Hoàng Sỹ K phải chịu chi phí tố tụng đã chi cho Hội đồng định giá, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ trong giai đoạn sơ thẩm là 6.000.000 đồng được trừ đi số tiền ông Hoàng Sỹ K đã tạm nộp là 9.000.000 đồng để tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp đủ, đồng thời sau phiên tòa, nguyên đơn được Tòa án hoàn lại số tiền 3.000.000đ tiền tạm ứng đã nộp.

[4] Về án phí:

Các đương sự thuộc trường hợp được miễn án phí nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311, điểm g, khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, khoản 5 Điều 157, khoản 5 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Hủy Bản án Dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 08/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cao Bằng và đình chỉ giải quyết vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án khi có đủ điều kiện khởi kiện.

2. Về chi phí tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm:

Ông Hoàng Sỹ K phải chịu số tiền chi phí tố tụng cho Hội đồng định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng, xác nhận ông Hoàng Sỹ K đã nộp đủ.

3. Về án phí:

Các Đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CCTHADS TP C;
- TAND TP C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Na